

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 299/2018/HC-PT
Ngày 15 - 8 - 2018
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý;
Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 547/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1319/2017/HC- ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 321/2018/QĐPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941. (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đinh Ngọc A, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: đường N, tổ 79, ấp C, xã Ph, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

Địa chỉ: đường X, Khu phố 6, phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Th – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Quận 9.

Địa chỉ: đường X, Khu phố 6, phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Th – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974. (có mặt)

2. Ông Trần Quốc D, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H do ông Đinh Ngọc A làm đại diện trình bày:

Ngày 04/11/1992, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Văn R một phần đất 1.080m² tọa lạc mặt tiền X với giá 18.000.000 đồng. Ngày 05/03/1993, bà Nguyễn Thị Thanh H1 viết giấy sang nhượng lại ½ diện tích đã mua chung với bà H cho ông Trần Quốc D là con bà H. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà H và ông D chuyển về buôn bán, sinh sống, đăng ký tạm trú, có kê khai năm 1999. Sau đó bà H có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên nhưng bị Ủy ban nhân dân xã T từ chối.

Quá trình sử dụng bà H có xây dựng một căn nhà cấp 4 nhưng bị buộc tháo dỡ, sau đó bà xây một khu nhà xưởng sửa chữa ô tô diện tích 600m² nằm ngoài lộ giới nhưng cũng bị Ủy ban nhân dân xã T ra quyết định buộc tháo dỡ phần tường rào, cổng ra vào đã xây trên lộ giới. Năm 2002, do phần lề đường bị nước mưa dồn từ trên dốc xuống chảy mạnh, gây khó khăn cho việc kinh doanh nên bà H xây lắp toàn bộ các ống cống để thoát nước mưa và tráng bê tông lỏi đi, bị Ủy ban nhân dân phường H ra quyết định buộc tháo dỡ vi phạm lộ giới.

Năm 2007, để triển khai dự án mở rộng lộ giới đường X giai đoạn 2, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 thu hồi 269,8m² đối với hộ bà H và Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 thu hồi 269,8m² đối với hộ ông D, tuy nhiên sau đó Ủy ban nhân dân Quận 9 ra quyết định thu hồi Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 của ông D và ban hành Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 gộp chung diện tích thu hồi cho hộ bà H.

Ngày 13/10/2011, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 2016/QĐ-UBND công bố giá trị bồi thường theo giá đất nông nghiệp và không bồi thường các tài sản trên đất với tổng số tiền là 751.263.000 đồng, hộ bà H không đủ điều kiện tái định cư. Sau khi bà H khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 giữ nguyên Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9; Yêu cầu tách diện tích 539,6m² thành 02 hồ sơ bồi thường cho bà H diện tích 269,8m² theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 và bồi thường cho ông D diện tích 269,8m² theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 theo giá bồi thường đất ở mặt tiền X, Bồi thường nhà 220,9m², Xưởng 130,65m²; Sân đá mi 28,56m²; Sân bê tông 152,86m²; Sân xi măng 29,05m².

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 có văn bản trình bày:

Căn cứ Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 21/11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi đất tại phường Ph A, phường H, phường Ph B, phường L và phường T, Quận 9 để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án mở rộng đường X; Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 21/11/2008 và Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về phê duyệt Phương án và dự toán đợt 1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án mở rộng đường X (Kèm theo Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng).

Phần đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị H là 539,6m² thuộc một phần thửa số 9 tờ bản đồ số 11 (theo tài liệu 2003) tọa lạc tại phường H, Quận 9 theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 và Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9, đối chiếu với tài liệu 02/CT-UB phần đất trên thuộc một phần thửa 76 tờ bản đồ số 19.

Ngày 11/8/2011, Tổ công tác tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản và hoa màu của hộ bà Nguyễn Thị H. Tại Biên bản kiểm kê ghi nhận: địa chỉ kiểm kê 10/90A đường X, khu phố 6, phường H, Quận 9; diện tích thu hồi 539,6/542,9m² thuộc một phần thửa số 9 tờ bản đồ số 11 tài liệu 2003, chưa có Giấy chứng nhận, mặt tiền đường X đoạn ngã tư Th đến ranh tỉnh Bình Dương.

Ngày 29/10/2010, Hội đồng họp xét nguồn gốc đất hộ bà Nguyễn Thị H kết luận:

“ - Thống nhất nguồn gốc đất.

- Tài liệu 02/CT-UB ghi nhầm tên Nguyễn Văn B tên đúng là Nguyễn Văn B1 nhưng thực tế do bà Nguyễn Thị H sử dụng.

- Thời điểm xây dựng hộ ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị H sau ngày 30/9/1995 trước 22/4/2002, có quyết định xử phạt tháo dỡ.

- Hồ sơ bà Nguyễn Thị H không đủ điều kiện tách hộ.

- Đề nghị lập hồ sơ ông Trần Quốc D vào hồ sơ bà Nguyễn Thị H”

Về bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-UB ngày 16/3/1993 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th về việc yêu cầu ông Trần Quốc D tháo dỡ hai căn nhà tạm vị trí nằm trong lộ giới Quốc lộ 52 tại số 10/90A đường X, ấp T, Khu phố 3.

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 29/3/1996 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th xử phạt hành chính về xây dựng đối với bà Nguyễn Thị H vì có hành vi xây dựng nhà cấp 4c trái phép vi phạm lộ giới Quốc lộ 52.

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/02/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng với nội dung xử phạt ông Trần Quốc D có hành vi vi phạm hành chính về xây dựng trên một phần lô đất số 76 tờ bản đồ số 19, phường H, Quận 9.

Căn cứ Khoản 1 mục I phần V của Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng bồi thường dự án và điểm a Mục 1 Công văn số 1996/UBND-ĐTMT ngày 29/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố: “Đất trồng cây lâu năm vị trí mặt tiền đường: 375.000đồng/m²”

Hộ bà Nguyễn Thị H sử dụng 539,6m² đất thuộc một phần thửa số 9 tờ bản đồ số 11 tài liệu 2003 phường H, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tự xây dựng nhà ở trái phép sau 30/9/1995 trước 22/4/2002 và có quyết định buộc tháo dỡ vì vi phạm lộ giới nên không được tính bồi thường là đất ở. Do đó, ngày 13/10/2011, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 2016/QĐ-UBND-BBT kèm theo Bảng giá trị ngày 29/9/2011 trong đó: bồi thường 539,6m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường X giá 375.000đồng/m² và hỗ trợ 539,6m² đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường là đúng quy định.

Về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc:

Căn cứ điểm d Khoản 2 mục I phần VII Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng bồi thường dự án: “Nhà ở, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường đất ở theo quy định tại mục II phần III phương án này, khi xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng (xử lý hành chính về hành vi xây dựng trái phép) thì không được bồi thường, không được hỗ trợ”. Hộ bà Nguyễn Thị H khi xây dựng nhà đã bị xử lý vi phạm hành chính nên Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 2016/QĐ-UBND-BBT ngày 13/10/2011 không bồi thường nhà, xưởng, sân là đúng quy định.

Về tái định cư:

Căn cứ Khoản 1 mục III phần IX của Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng bồi thường dự án: “Đối tượng, điều kiện tái định cư: Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở (đủ điều kiện bồi thường quy định tại mục II phần III của phương án này và hỗ trợ đất ở quy định tại mục III phần IV của phương án này) thì được bố trí tái định cư”. Do hộ bà Nguyễn Thị H không được bồi thường, hỗ trợ về đất ở nên không đủ điều kiện tái định cư là đúng quy định.

Đối với khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc D trình bày:

Ông là con của bà Nguyễn Thị H. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H về diện tích thu hồi và giá bồi thường tại vị trí mặt tiền X địa chỉ 10/90A phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông yêu cầu được vắng mặt trong các phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1319/2017/HC- ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật đất đai 2013;

Căn cứ Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/10/2017, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày: Bản án sơ thẩm đã nhận định nhà và đất mua trước thời điểm năm 1993. Quyết định số 55 đã ban hành về thẩm quyền không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ.. bà H có nhà trước ngày 15/10/1993 nên được bồi thường đất ở. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét hủy Quyết định của UBND Quận 9.

Người bảo vệ quyền lợi cho UBND Quận 9 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm do bà H đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của bà H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà H theo quy định pháp luật.

[2] Ngày 18/7/2016, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà H:

[3.1] Về nguồn gốc pháp lý phần đất mà bà H bị thu hồi tại 29B đường Đ, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 và Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 25/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9, phần đất bị thu hồi của bà H thuộc một phần thửa số 9 tờ bản đồ số 11, phường H, Quận 9, đối chiếu tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 76 tờ bản đồ số 19.

Tại nội dung kết luận (đợt 8) trích Biên bản xét nguồn gốc nhà, đất dự án mở rộng theo lộ giới X ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân phường H thể hiện: Đất thuộc một phần tờ bản đồ 11 tài liệu năm 2003, do ông Đặng Văn Ron khai phá sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 1992 ông Ron bán lại bằng giấy tay cho bà Nguyễn Thị H, cùng năm bà H san lấp và xây dựng nhà sử dụng cho đến nay;

Tài liệu 2003 thửa số 9, tờ bản đồ 11 do ông Trần Quốc D đăng ký (ông D là con bà H; Tài liệu 02/CT-UB thuộc thửa 76 tờ bản đồ số 9 do ông Nguyễn Văn B đăng ký);

Theo Giấy chuyển nhượng đất có hoa màu ngày 04/11/1992 giữa bà H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 thể hiện mua chung phần đất có diện tích 1,080m² là đất hoa màu.

Theo các Quyết định số 55/QĐ-UB ngày 16/3/1993 của Ủy ban nhân dân

xã T yêu cầu ông Trần Quốc D tháo dỡ hai căn nhà tạm vị trí nằm trong lộ giới Quốc lộ 52 tại số 10/90A đường X, ấp T, Khu phố 3; Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 29/3/1996 của Ủy ban nhân dân xã T xử phạt hành chính về xây dựng đối với bà Nguyễn Thị H vì có hành vi xây dựng nhà cấp 4 trái phép vi phạm lộ giới Quốc lộ 52; Quyết định số 765/QĐ- UB-QLĐT ngày 26/02/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 xử phạt ông Trần Quốc D có hành vi vi phạm hành chính về xây dựng trên một phần lô đất số 76 tờ bản đồ số 19, phường H, Quận 9, xác định các căn nhà mà bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường chính là các căn nhà đã bị cưỡng chế buộc tháo dỡ theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trước đây.

Bà H cho rằng căn nhà xây năm 1992, 1993, được xây phía trong phần đất, còn các căn nhà bị xử phạt vi phạm hành chính là các căn nhà phía trước giáp đường X. Tuy nhiên, theo Giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất ngày 10/10/1999, phần lân cận tiếp giáp bà H ghi: “Phía trước: đường X. Phía sau: đất trống”; tại Mục sơ đồ nhà đất chủ sử dụng tự vẽ hình thể khuôn viên nhà đất cũng thể hiện phía trước là đường X, phía sau là đất trống. Đồng thời, tại Tờ đăng ký nhà đất năm 1999, bà H khai nhà 84m², ở Mục 2 về tình trạng pháp lý nhà đất có đánh dấu vào ô nhà có vi phạm xây dựng trước ngày 05/7/1994 và sau ngày 05/7/1994. Như vậy, là phía trong phần đất không có căn nhà nào như bà H trình bày.

Bà H cũng trình bày tại phiên tòa sơ thẩm khi xây dựng không xin giấy phép, không thông báo với chính quyền địa phương.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Quận 9 không bồi thường đất ở cho bà H mà chỉ giải quyết cho bà H được bồi thường đất trồng cây lâu năm mặt tiền đường X là có cơ sở.

Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất: Ủy ban nhân dân Quận 9 tính bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà H 539,6m² đất trồng cây lâu năm mặt tiền đường X với đơn giá 375.000đồng/m²; hỗ trợ 539,6m² đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với đơn giá 2.003.000đồng/m²x 0,5 là đúng quy định của Công văn số 1996/UBND-ĐTMT ngày 29/4/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh .

[3.3] Về bồi thường nhà ở, công trình và vật kiến trúc:

Gia đình bà Nguyễn Thị H khi xây dựng nhà không xin phép chính quyền địa phương, đã bị xử lý vi phạm hành chính nên không được bồi thường về nhà và vật kiến trúc. Do đó, Quyết định số 2016/QĐ-UBND-BBT ngày 13/10/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 không bồi thường nhà (220,9m²), xưởng (130,65m²), sân đá mi (28,56m²), sân bê tông (152,86m²), sân xi măng (29,05m²) là đúng quy định.

[3.4] Về tái định cư:

Căn cứ Khoản 1 mục III phần IX của Phương án số 06/PABT-HĐBT

ngày 13/01/2011 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đầu tư mở rộng theo lộ giới X, hộ bà Nguyễn Thị H không được bồi thường, hỗ trợ về đất ở nên không đủ điều kiện tái định cư là có căn cứ.

Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H với nội dung giữ nguyên Quyết định bồi thường số 2016/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 và bác yêu cầu bồi thường 539,6m² đất ở mặt tiền đường X giá 18.650.000đồng/m²; bác yêu cầu bồi thường nhà, xưởng, sân của bà Nguyễn Thị H là đúng quy định.

Về vấn đề tách hồ sơ bồi thường riêng cho ông Trần Quốc D, Tòa án cấp sơ thẩm không xét yêu cầu này vì bà H không có yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1319/2017/HC-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031014 ngày 04/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do Lê Nguyễn Thanh Minh nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047949 ngày 17/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười

Đặng Văn Ý

Trần Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (2);
- Lưu VP (3), HS (2). (14b).TPQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười

Đặng Văn Ý

Trần Thị Thu Thủy